

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2026

*"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Biên

Ông Phùng Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vàng Khánh L, sinh ngày 25/02/1997; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã D, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Vàng Khánh L: Bà Viên Thị V - Văn phòng Luật sư Viên Thị V, Đoàn Luật sư tỉnh T; địa chỉ: Số nhà A, phố H, tổ A M, Phường H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đình Đức T, sinh ngày 21/6/1993; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án tại P - Trai Giam Q - Bộ C. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20/11/2025 chị Vàng Khánh L trình bày: Chị và anh Đình Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã D, tỉnh Tuyên Quang) ngày 11/4/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi bời không thu vén và quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình; khi có con chung anh T không quan tâm, chăm sóc con, anh T thường xuyên làm xa nhà không đóng góp tiền nuôi con, anh chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, chị L anh T không gặp nhau và không gọi điện, nhắn tin trao đổi gì nữa; khoảng tháng 3, tháng 4 bố anh T chết anh chị có nhắn tin, gọi điện trao đổi nhưng không gặp nhau. Khoảng giữa năm 2024 anh T bị Tòa án xử về tội chiếm đoạt tài sản, anh T đang chấp hành án tại Trai Giam Q, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đề nghị Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị L có một con chung là cháu Đinh Tổ M, sinh ngày 12/7/2018. Hiện tại cháu M đang sống cùng chị L, cháu M đã sinh sống ổn định cùng chị L, đi học tại xã D, tỉnh Tuyên Quang nơi chị L đang công tác, chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu M. Vì hiện nay anh T đang chấp hành án không có thu nhập ổn định nên chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Đức T do đang chấp hành án nên không tham gia tố tụng được, anh T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2026 anh T trình bày: Về đăng ký kết hôn, con chung, thời gian chung sống hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn đúng như chị L trình bày, thời gian ly thân vào khoảng cuối năm 2021 cho đến nay.

Ngày 23/02/2026, cháu Đinh Tổ M gửi ý kiến, nguyện vọng về việc khi Chị L, anh T ly hôn, cháu M có nguyện vọng được ở với chị L vì cháu đang sống cùng chị L; hiện tại anh T không có ở nhà.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị L có Đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; về con chung: Chị L đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh T đang phải chấp hành án không thể tham gia tố tụng được, anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, vợ chồng chị L, anh T đã ly thân từ năm 2020 đến nay, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Vàng Khánh L được ly hôn anh Đinh Đức T; về con chung: Giao cháu Đinh Tô M, sinh ngày 12/7/2018 cho chị Vàng Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Vàng Khánh L khởi kiện xin ly hôn với anh Đinh Đức T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn chị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L, bị đơn anh Đinh Đức T vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Khánh L và anh Đinh Đức T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang (nay là xã D, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Nguyên đơn chị L cho rằng vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do quan điểm sống không thống nhất nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng anh chị mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2021, nguyên nhân do anh T mãi chơi, không quan tâm đến vợ con. Xét thấy vợ chồng chị L và anh T đã ly thân 5 năm, hai bên không tìm được cách để hàn gắn mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh T có một con chung là cháu Đinh Tổ M, sinh ngày 12/7/2018, hiện nay cháu M đang sinh sống cùng với chị L. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, do anh T đang phải chấp hành án, không có thu nhập; ý kiến, nguyện vọng của cháu M được sống cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu M vẫn sống cùng chị L từ khi cháu còn nhỏ đến nay. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu M, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Vàng Khánh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vàng Khánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Khánh L. Chị Vàng Khánh L được ly hôn anh Đinh Đức T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Đinh Tổ M, sinh ngày 12/7/2018 cho chị Vàng Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vàng Khánh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001633, ngày 03/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã Du Già, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy